

# Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh mới

Đàm Quang Vinh\*

*Bài viết phân tích nền kinh tế Việt Nam qua hai giai đoạn - giai đoạn phát triển theo chiều rộng, lấy số lượng FDI làm trọng (giai đoạn 1987-2010) và giai đoạn phát triển theo chiều sâu, quan tâm nhiều hơn đến chất lượng FDI (giai đoạn sau 2010, tầm nhìn đến 2020). Tác giả tổng hợp và đánh giá về các thuận lợi và khó khăn của Việt Nam trong bối cảnh mới, từ đó đưa ra những quan điểm chủ đạo trong định hướng thu hút FDI trong những năm tới.*

**Từ khóa:** Bối cảnh mới của FDI; FDI Việt Nam 2020; Thu hút FDI vào Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Năm 2020 là một dấu mốc quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, nó đánh dấu trên 30 năm Việt Nam mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời đó cũng là dấu mốc Việt Nam đặt ra cho việc hoàn thành về cơ bản công cuộc công nghiệp hóa nền kinh tế của mình. Mặt khác, giai đoạn sau năm 2010 đặt ra cho Việt Nam những thách thức và cơ hội hoàn toàn khác so với trên 20 năm thu hút FDI vừa qua. Những cơ hội và thách thức này được đem đến bởi những bối cảnh mới rất đáng lưu tâm đối với nền kinh tế Việt Nam như: GDP/người của Việt Nam đã đạt ngưỡng trung bình – thời của nhân công giá rẻ sẽ sớm qua đi; Các “đồng thủ” cạnh tranh thu hút FDI với Việt Nam dường như đã bỏ xa Việt Nam lại đằng sau với khoảng cách GDP ngày càng lớn, cơ cấu kinh tế ngày càng hiện đại và hiệu quả, trong khi Việt Nam vẫn chưa cho thấy cơ hội rút ngắn khoảng cách GDP cũng như hội đủ những điều kiện để chuyển sang giai đoạn cất cánh và tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại và hiệu quả hơn; Bối cảnh địa chính trị - kinh tế trong khu vực và trên thế

giới đang thay đổi nhanh chóng, sự trỗi dậy của Trung Quốc cùng những căng thẳng trong tranh chấp giữa quốc gia này và các nước láng giềng đang làm chệch hướng các dòng đầu tư và thương mại ít nhiều;... Từ những nhận định trên, tác giả bài báo đặt ra vấn đề xem xét những liên hệ của các bối cảnh mới đối với triển vọng thu hút FDI vào Việt Nam tới năm 2020 và thử luận bàn về một vài hướng tư duy và giải pháp nhằm tận dụng tốt các cơ hội và vượt qua những trở ngại trong thu hút FDI thời gian tới.

## 2. Nhìn lại bức tranh thu hút FDI vào Việt Nam thời gian qua

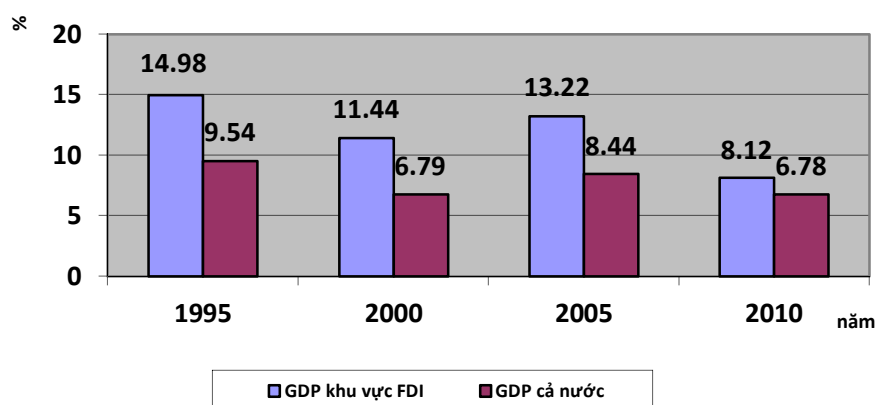
Kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài ra đời tháng 12/1987 đến tháng 8 năm 2012, cả nước có gần 14.100 dự án FDI còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đạt khoảng 207 tỷ USD. Trong đó, giải ngân thực tế đạt khoảng 97 tỷ USD, tương đương khoảng 47% tổng vốn đăng ký. Cũng trong khoảng thời gian này, so sánh giữa hai thời kỳ 10 năm là giai đoạn 1991-2000 và 2001-2011, FDI tăng từ 20,7 tỷ USD trong giai đoạn 1991- 2000 lên gần 70 tỷ USD trong những năm 2001- 2011, nhưng tỷ trọng so với tổng

**Bảng 1: FDI thực hiện giai đoạn 1991-2011**

Giai đoạn (năm)	Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	% vốn FDI thực hiện so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội
1991 - 2000	20,67	24,32
2001 - 2011	69,47	22,75

Nguồn: Hàn Phi, 2013

Hình 1: Tốc độ tăng GDP khu vực FDI/cả nước



Nguồn: (Hàn Phi, 2013)

vốn đầu tư toàn xã hội lại giảm từ hơn 24,3% xuống còn 22,75% trong cùng giai đoạn (Hàn Phi, 2013).

Những đóng góp của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là tích cực. Có thể dễ dàng thống nhất với hầu hết các chuyên gia là thành tựu kinh tế trên 25 năm qua của nền kinh tế Việt Nam có sự đóng góp quan trọng bởi dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong giai đoạn này. Đóng góp của FDI được ghi nhận đặc biệt ấn tượng ở tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với mức tăng GDP chung cả nước. Đây cũng là khu vực đóng góp lớn vào xuất khẩu khi nâng tỷ trọng từ 45,2% (2001) lên tới 64% (2012) tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (Hàn Phi, 2013). Các doanh nghiệp cũng góp phần thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng giảm tỷ trọng sản phẩm khai khoáng, mặt hàng sơ cấp, tăng dần tỷ trọng hàng chế tạo và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Khu vực FDI đang dần khẳng định vai trò ngày càng lớn và là một bộ phận ngày càng quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Những số liệu từ hình

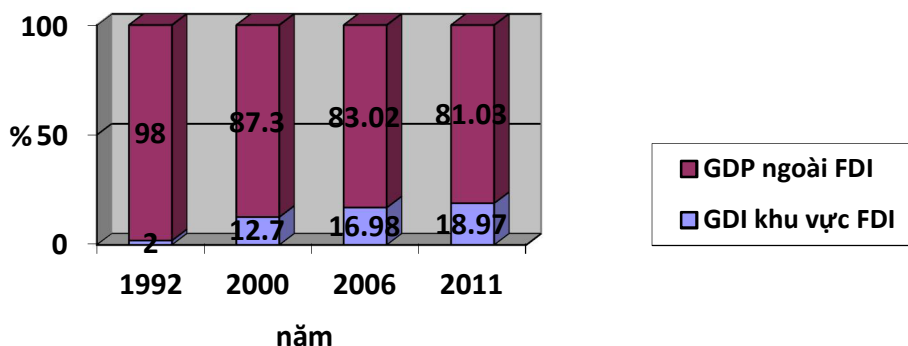
2 có thể cho thấy đây là một khu vực kinh tế đang rất năng động. Các con số được phản ánh trong hình 2 trên thực tế còn cho thấy mức độ đóng góp của khu vực FDI trong GDP Việt Nam còn cao hơn, bởi thực tế là không ít các doanh nghiệp FDI sử dụng “thủ thuật chuyển giá” làm thất thu ngân sách và phần nào đó làm sai lệch các số liệu thống kê về sự đóng góp của khu vực này trong nền kinh tế Việt Nam.

Phân tích các số liệu và báo cáo tổng kết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể thấy là trong 25 năm thu hút FDI vào Việt Nam thì dòng vốn này có một số đặc điểm và những nguyên nhân cơ bản như sau:

### 2.1. Các dự án FDI tại Việt Nam nhìn chung là những doanh nghiệp tạo ra giá trị gia tăng thấp

Nguyên do là theo các báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì trên 80% doanh nghiệp FDI tại Việt Nam sử dụng công nghệ trung bình của thế giới, chỉ có 5-6% số doanh nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, 14% doanh nghiệp sử dụng công nghệ thấp và lạc hậu (Hàn Phi, 2013). Công nghệ thấp dẫn đến

Hình 2: Tỷ trọng đóng góp vào GDP



Nguồn: Hàn Phi, 2013

các doanh nghiệp tại Việt Nam chủ yếu thực hiện việc gia công. Một số doanh nghiệp được coi là công nghệ cao nhưng khâu sử dụng công nghệ cao lại không thực hiện ở Việt Nam (trường hợp của Samsung tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất “smartphone” là một ví dụ điển hình. Rõ ràng lĩnh vực Samsung đầu tư ở Việt Nam là lĩnh vực công nghệ cao nhưng khâu mà Việt Nam đảm nhận trong chuỗi giá trị của tập đoàn này đến nay hầu như chỉ là lắp ráp thành phẩm – phân khúc có giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi sản xuất của các ngành công nghiệp). Đây là một hiện trạng cần được đặc biệt quan tâm trong thời gian tới, khi mà giai đoạn “vàng” của nguồn lao động đang dần qua đi, khi mà mức lương lao động Việt Nam chắc chắn phải tăng lên thì việc đòi hỏi các doanh nghiệp FDI đầu tư vào các phân khúc có giá trị gia tăng cao là điều tất yếu.

## ***2.2. Tình trạng mất cân đối vùng miền, cơ cấu trong thu hút FDI vẫn là tồn tại lớn***

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn FDI hiện tập trung chủ yếu tại địa bàn có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, thị trường tiêu thụ sản phẩm. Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao được xây dựng tại các địa phương hiện không đủ khả năng tạo ra lợi thế khác biệt cho từng địa phương và vùng lãnh thổ trong việc hướng các dòng FDI vào việc theo đuổi mục tiêu hướng đầu tư nước ngoài vào địa bàn khó khăn của Chính phủ.

## ***2.3. Việt Nam vẫn chưa thu hút được hết những đối tác mạnh về công nghệ thực hiện các dự án FDI***

Đối tác đầu tư vào Việt Nam hiện nay chủ yếu đến từ châu Á. Các dự án FDI mà chủ đầu tư nước ngoài là doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn chiếm tỷ lệ cao. Theo số liệu trong báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện Việt Nam mới chỉ thu hút được trên 100 trong tổng số 500 tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu thế giới (Hàn Phi, 2013).

## ***2.4. Đóng góp của các doanh nghiệp FDI chưa được như kỳ vọng***

Một trong những vấn đề gây khó khăn cho Chính phủ Việt Nam hiện nay là việc giám sát tình trạng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện nay còn khá nhẹ nhàng khi kết luận “Một số doanh nghiệp FDI có biểu hiện áp dụng các thủ thuật chuyển giá tinh vi như nâng khống giá trị góp vốn (bằng máy móc, thiết bị, bản quyền...), giá trị mua bán nguyên vật liệu đầu vào,

bán thành phẩm, thành phẩm, dịch vụ, phí quản lý, tiền bản quyền, chi phí bảo lãnh, cho vay, trả lương, đào tạo, quảng cáo, nhà thầu, chuyển nhượng vốn...” (Hàn Phi, 2013).

Trên thực tế, theo đánh giá của các chuyên gia tại nhiều hội thảo, thì tình trạng chuyển giá trên đã diễn ra phức tạp từ nhiều năm nay và là một tình trạng khá phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà còn khá phổ biến trên thế giới. Các chuyên gia cũng đã cảnh báo điều này cho Việt Nam từ khá sớm, song cho đến nay các cơ quan quản lý nhà nước vẫn còn khá lúng túng trong việc giám sát và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực này.

Có lẽ trong giai đoạn đầu thu hút FDI, các cơ quan quản lý nhà nước chưa thực sự để tâm đến hiện tượng này nhiều lắm, bởi họ chủ yếu quan tâm đến số lượng dự án và lượng vốn đầu tư đổ vào càng nhanh, càng nhiều càng tốt. Điều này làm đẹp cho các báo cáo thành tích, và về mặt tích cực thì nó giúp giải quyết nhanh vấn đề thiếu việc làm trầm trọng trong nền kinh tế Việt Nam những năm đầu đổi mới. Tuy nhiên, để tình trạng trên diễn ra phổ biến và trong một thời gian dài đã tạo nên tình trạng lỗ giả, lãi thật, gây thất thu ngân sách, làm cho đa số bên Việt Nam phải rút khỏi liên doanh, doanh nghiệp trở thành 100% vốn nước ngoài.

Hơn nữa, điều này cũng tạo ra bất bình đẳng và gây thiệt thòi cho các doanh nghiệp Việt Nam vốn đã phải chịu nhiều khoản chi phí không tên, yếu kém đủ bề, giờ lại bị chèn lấn bởi các doanh nghiệp FDI vốn dĩ đã mạnh đủ bề, được ưu đãi nhiều trong Luật đầu tư nước ngoài, lại thêm việc trốn thuế thuận lợi từ việc chuyển giá mà các cơ quan quản lý nhà nước đang không kiểm soát nổi.

## ***2.5. Các vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức***

Các doanh nghiệp FDI nói riêng và hầu hết các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam nói chung chưa quan tâm đúng mức đến nhu cầu về nhà ở, đời sống văn hóa ở các khu tập trung nhiều lao động đã trở nên bức xúc mà chưa đáp ứng được. Hiện trạng này về lâu dài sẽ đẩy các chi phí sinh hoạt lên cao, làm giảm sức hút lao động tại các khu công nghiệp và làm suy giảm năng suất và chất lượng của lao động Việt Nam – yếu tố đã từng được coi là thế mạnh trong cạnh tranh thu hút FDI của Việt Nam. Xét ở một khía cạnh truyền thống, có lẽ các doanh nghiệp cho rằng đây là vấn đề của người lao động và chính quyền sở tại. Tuy nhiên, nhiều doanh

nghiệp FDI tạo ra cộng đồng dân cư là người lao động lớn cũng chưa quan tâm đúng mức đến điều này như một phần trong nỗ lực về cam kết đóng góp lâu dài cho Việt Nam cũng như vì chính lợi ích của họ. Mặt khác, Chính phủ dường như cũng thiếu những sự hỗ trợ và cơ chế phù hợp để động viên các doanh nghiệp FDI quan tâm hơn đến các vấn đề xã hội cho người lao động.

Khi Việt Nam tiến hành mở cửa nền kinh tế và thu hút FDI ở thời điểm 25 năm trước, bối cảnh kinh tế, chính trị khác rất xa so với hiện nay. Một số điểm nổi bật của bối cảnh thời gian đó có thể tóm lược như sau:

- Việt Nam bị cô lập cả về kinh tế và chính trị, đặc biệt là lệnh cấm vận của Mỹ;

- Chiến tranh vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt đối với người Việt Nam, xung đột biên giới trên đất liền và trên biển vẫn còn khá nghiêm trọng;

- Thời kỳ đầu đổi mới, kinh tế suy thoái nghiêm trọng, lạm phát siêu mã, sản xuất và thương mại đình đốn, dự trữ quốc gia gần như không có gì, hạ tầng cơ sở yếu kém, tỷ lệ thất nghiệp cao,... xuất phát điểm của nền kinh tế nhìn chung rất thấp. Việt Nam được xếp vào một trong những quốc gia nghèo đói và chậm phát triển nhất thế giới;

- Nền tảng luật pháp, cơ chế thị trường hầu như rất yếu kém. Niềm tin của các nhà đầu tư khi đổ vốn vào Việt Nam ở mức rất thấp.

### **3. Bối cảnh mới và những tác động có thể có đối với dòng FDI vào Việt Nam**

Hiện nay, Chính phủ đang cân nhắc các giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế nhằm đưa nền kinh tế sớm vượt qua giai đoạn khó khăn và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới thì việc đánh giá lại bối cảnh và mục tiêu thu hút FDI là rất cần thiết. Sau 25 năm thu hút FDI, bối cảnh mới của nền kinh tế Việt Nam, theo tác giả bài viết, sẽ bao gồm những vấn đề cơ bản như sau:

#### **3.1. Bối cảnh trong nước**

##### *3.1.1. Những thuận lợi*

- Việt Nam giờ đã là một quốc gia có mức thu nhập trung bình, hạ tầng cơ sở đã được cải thiện khá nhiều và đang tiếp tục được nâng cấp và hoàn thiện mạnh mẽ; sản xuất và thương mại đã có những bước tiến dài cả về chất và lượng; các chỉ số kinh tế cơ bản như lạm phát, thất nghiệp,... về cơ bản không còn ở tình trạng nguy cấp đối với nền kinh tế nữa;

- Nền tảng luật pháp, cơ chế thị trường đã được

phát triển khá vững chắc. Niềm tin của các nhà đầu tư khi đổ vốn vào Việt Nam đã thay đổi hoàn toàn, giờ đây, đối với các nhà đầu tư không còn những lo ngại về các rủi ro “đánh tư bản” nữa mà chỉ là những toan tính về hiệu quả của đồng vốn mà thôi;

- Việt Nam có các chính sách khuyến khích đầu tư thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Việc tìm kiếm các lợi thế đầu tư mới tại Việt Nam như hệ thống thuế linh hoạt và các chính sách ưu tiên khác... đang là mối quan tâm của các công ty và nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

##### *3.1.2. Bối cảnh không thuận lợi*

Mặc dù các điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp được ghi nhận có những tiến bộ đáng kể so với 25 năm về trước, song so với yêu cầu thực tế về thu hút FDI cũng như sức ép cạnh tranh thu hút FDI càng ngày càng mạnh mẽ thì bối cảnh hiện nay của nền kinh tế vẫn cho thấy các nhân tố chính trong thu hút FDI còn một số bất cập cơ bản:

- Việt Nam đang thiếu hụt nguồn nhân lực được đào tạo trên bình diện toàn quốc cũng như theo cơ cấu vùng miền.

Khi nhìn vào thực trạng này, một số chuyên gia và các báo cáo tổng kết thiên về hướng nhận định liên quan đến ngành giáo dục. Giáo dục Việt Nam được cho là chậm đổi mới, không theo kịp trình độ của khu vực và thế giới làm cho trình độ nhân công vẫn còn thấp. Một ví dụ cụ thể là vào năm 2011, Intel, hãng sản xuất chip điện tử hàng đầu của Mỹ, đã gặp trở ngại trong việc đầu tư vào Việt Nam khi số công nhân đủ trình độ tuyển dụng chỉ bằng một phần nhỏ số lượng yêu cầu (BBC, 2012).

Thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là trở ngại lớn trong việc cạnh tranh thu hút FDI trong thời gian tới nói chung, cũng như cản trở việc tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Trong những năm trước, khi giá lao động Trung Quốc tăng nhanh, nhiều ý kiến đã cho rằng Việt Nam sẽ là điểm dừng chân tiếp theo của những nhà đầu tư muốn hướng về Châu Á. Cho tới nay, Trung Quốc, với giá lao động tối thiểu cao hơn Việt Nam rất nhiều, vẫn là điểm dừng chân hàng đầu cho các tập đoàn công nghệ không lồ của thế giới như Samsung, Apple nhờ những nỗ lực nâng cao chất lượng lao động. Họ đã đưa đội ngũ lao động cao cấp lên làm nòng cốt cho nền kinh tế trong lúc vẫn đảm bảo giá cả, chất lượng và năng suất sản xuất ở mức cạnh tranh so với thị trường lao động quốc tế từ rất sớm (BBC, 2012).

- *Doanh nghiệp nhà nước và sự thiếu minh bạch trong cấp phép đầu tư đang là những cản trở đối với nguồn FDI đổ vào Việt Nam.*

Chính phủ Việt Nam quyết tâm duy trì vị trí ưu thế về chính sách cho doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước (DNNN), bị coi là trở ngại lớn nhất với sự phát triển của khu vực tư doanh. DNNN còn được coi là lá chắn nguồn FDI từ bên ngoài suốt nhiều năm qua. Ngân hàng HSBC cho rằng sai lầm lớn nhất của Việt Nam là tập trung 40% tổng sản lượng doanh thu quốc doanh (GDP) vào các tập đoàn nhà nước kém hiệu quả, tạo ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường nhưng lại đòi hỏi sự hỗ trợ khổng lồ để tiếp tục tồn tại. Các doanh nghiệp này, bị các nhà đầu tư lên án là với số vốn lớn mạnh đã ra sức thao túng vị trí “đầu tàu của nhanh”, chiếm thế độc quyền bằng cách mở rộng đa ngành để tạo khó khăn cho việc thâm nhập thị trường của các tập đoàn nước ngoài, ảnh hưởng đến mức FDI tiềm năng đổ vào Việt Nam những năm qua (BBC, 2012).

- *Tương lai kinh tế khó khăn, điều hành kinh tế lúng túng thể hiện sự thiếu vắng một tầm nhìn chiến lược.*

Trong một vài năm trở lại đây, các chỉ số kinh tế cơ bản tuy không đưa nền kinh tế đến mức nguy cấp, song cũng đã dấy lên những hồi chuông cảnh báo nguy hiểm cho một tương lai kinh tế đầy khó khăn. Tương lai này còn thể hiện sự bất định khi mà các giải pháp tháo gỡ và chính sách điều hành kinh tế thể hiện nhiều lúng túng và không rõ ràng, minh bạch. Những chỉ số kinh tế cho thấy trong 5 năm đầu (2010-2015) của giai đoạn 2010-2020 sẽ là giai đoạn rất khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Lạm phát trong năm 2012 đã giảm xuống mức đáng kể, thế nhưng những dư âm và hậu quả của mức lạm phát lên đến 23% của năm 2011 vẫn còn tồn đọng trong nền kinh tế hiện tại và tâm lý các nhà đầu tư (BBC, 2012).

- *Thủ tục hành chính rườm rà cản trở nguồn vốn FDI vào Việt Nam.*

Thủ tục hành chính rườm rà không chỉ cản trở các dòng vốn FDI đến với Việt Nam, mà còn cản trở ngay chính dòng vốn này khi nó đã được phép đưa vào Việt Nam. Vốn FDI được đăng kí tại Việt Nam thường chênh lệch xa với lượng FDI thực hiện vì giải ngân quá chậm. Việc đưa vốn đầu tư vào thực hiện là một thử thách lớn đối với các doanh nghiệp FDI vì các thủ tục giấy tờ cũng như các điều khoản qui định đầu tư rắc rối, không rõ ràng, cộng thêm sự sách nhiễu của cán bộ công chức. Rất nhiều ý kiến phản hồi trong các hội thảo cho thấy các dự án lên đến hàng tỉ đôla thậm chí sau khi đã hoàn thành các thủ tục, vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn của quy trình đầu tư.

- *Cơ sở hạ tầng còn yếu và thiếu, đặc biệt là điện và hệ thống hạ tầng giao thông.*

Vấn đề cơ sở hạ tầng không được đầu tư đúng nơi, đúng lúc và đúng mức độ đang là vấn đề gây quan ngại với giới đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt là khi vấn đề mất điện và giao thông đình trệ có những ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và lưu thông hàng hóa. Tình trạng các doanh nghiệp kêu ca vì không có điện để sản xuất, nhất là trong thời điểm mùa hè, dẫn đến thiệt hại về cả năng suất cũng như chi phí sản xuất vẫn còn nhiều.

- *Chỉ số môi trường kinh doanh quốc tế còn thấp - Việt Nam xếp hạng 99/185 về môi trường kinh doanh.*

Bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh năm 2013 cho thấy Việt Nam vẫn còn loay hoay trong khu vực nền kinh tế có năng lực cạnh tranh thứ 100 – một chỉ số có lẽ rất ít người vui, nếu chúng ta nhìn sang các nước quanh khu vực đang có những bước cải cách mạnh mẽ (như Myanmar hay Indonesia). Chỉ số môi trường kinh doanh không được cải thiện, thậm chí tụt lùi trong những năm gần đây chắc chắn sẽ là một

**Bảng 2: Xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam qua các năm gần đây**

Năm	Xếp hạng	Năm	Xếp hạng
2005	98/175	2009	93/183
2006	104/175	2010	78/183
2007	91/178	2011	98/183
2008	92/181	2012	99/183

*Nguồn: (IFC&WB, 2013)*

tín hiệu mà các nhà đầu tư nước ngoài cần tính đến khi quyết định đầu tư vào Việt Nam hay không.

### 3.2. Bối cảnh quốc tế

#### 3.2.1. Bối cảnh không thuận lợi

- Suy thoái kinh tế toàn cầu được dự đoán là sẽ còn kéo dài, đặc biệt là các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU gặp rất nhiều khó khăn và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn có thể làm trầm trọng thêm mức độ suy thoái hoặc kéo dài tình trạng suy thoái của nền kinh tế toàn cầu thêm nhiều năm nữa.

- Môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế dường như đang gặp thách thức lớn, đặc biệt nghiêm trọng với Việt Nam là những xu hướng gia tăng các hoạt động quân sự trong khu vực có thể sẽ làm chệch hướng các nguồn lực cho đầu tư phát triển cũng như làm chệch hướng các dòng FDI. Những căng thẳng trong tranh chấp lãnh thổ, tranh chấp vị thế chính trị dâng cao trên thế giới và trong khu vực những năm gần đây có thể sẽ chấm dứt giai đoạn mà xu hướng hòa bình, tập trung cho phát triển kinh tế hay các thuật ngữ “trỗi dậy trong hòa bình” có thể sẽ sớm chấm dứt. Điều này chắc chắn sẽ gây tổn hại đến sự phát triển kinh tế khu vực nói chung và khả năng thu hút FDI nói riêng vào khu vực và Việt Nam.

- Việt Nam đang phải đối mặt với những đối thủ thu hút FDI mới đầy tiềm năng. Trong số những quốc gia mới nổi lên để cạnh tranh thu hút FDI với Việt Nam có lẽ đáng kể nhất là Campuchia – quốc gia nằm sát Việt Nam và hiện đang rất năng động về mọi mặt trong thu hút FDI. Một đối thủ nữa rất đáng quan ngại là Myanmar – quốc gia có quy mô dân số, diện tích khá tương đồng với Việt Nam gần đây đang nổi lên như một điểm đến đầy hấp dẫn đối với các dòng FDI. Myanmar có nhiều yếu tố mà Việt Nam đáng phải quan ngại như: lao động rẻ, dồi dào; tài nguyên thiên nhiên phong phú, ... những thứ mà Việt Nam vẫn thường coi như “bảo bối” trong thu hút FDI. Ngoài ra, dễ nhận thấy là mặc dù mới cải cách mở cửa nhưng Myanmar có nền tảng luật pháp, ngôn ngữ và môi trường chính sách thuận lợi hơn Việt Nam thời kỳ đầu đổi mới rất nhiều. Một điều nữa cũng không thể quên là những đối thủ khác trong khu vực cũng vẫn rất mạnh mẽ và dường như đang bỏ Việt Nam lại phía sau trong cuộc đua thu hút FDI.

#### 3.2.2. Bối cảnh thuận lợi:

- Ngoại giao kinh tế đang phát huy tác dụng đối với Việt Nam. Sự gia tăng trong các mối quan hệ

song phương gần đây giữa Việt Nam và các nước Nhật, Mỹ, Nga và kể cả EU cũng được cho là đang mở đường cho những nguồn FDI đầy tiềm năng.

- Việt Nam có thể có một số thuận lợi từ sự dịch chuyển chiến lược. Mặc dù có những nguy cơ bất ổn về an ninh trong khu vực nhưng các vấn đề kinh tế - địa chính trị cũng có những điểm thuận lợi nhất định cho Việt Nam. Căng thẳng chính trị giữa một số đối tác đầu tư và thương mại lâu năm trong khu vực, có thể dẫn đến việc các nhà đầu tư tại các quốc gia này dịch chuyển một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất của họ tại quốc gia đối nghị và chuyển một phần nguồn vốn này sang Việt Nam. Một số ý kiến gần đây cho thấy các nhà đầu tư Nhật Bản đang rất quan tâm đến đầu tư vào Việt Nam, luồng vốn dự đoán là rất lớn trong thời gian tới. Các nhà đầu tư Nhật quan tâm đến Việt Nam – Indonesia – Philippines như những điểm đến quan trọng mà một số báo gọi là các điểm đến “VIP” (Thời báo Ngân hàng, 2013). Hơn nữa, các cam kết đầu tư đợt này, được dự đoán là sẽ có những dự án công nghệ cao và hoạt động chuyển giao công nghệ cũng sẽ mạnh mẽ hơn.

- Khó khăn của nước khác, có thể sẽ là cơ hội cho Việt Nam. Một số quốc gia trong khu vực gặp khó trong thu hút FDI, hoặc các điều kiện cạnh tranh ở một số ngành. Một trong những nước “đối thủ” trong cạnh tranh thu hút FDI với Việt Nam là Trung Quốc đang gặp khó trong thu hút FDI đặc biệt ở những lĩnh vực vẫn còn là thế mạnh của Việt Nam do chi phí nhân công tăng; do những rào cản thương mại từ phía những khách hàng truyền thống của họ. Khó khăn này, đang khiến các nhà đầu tư tính chuyện chuyển hướng sản xuất sang Việt Nam.

Một số chuyên gia kinh tế nước ngoài cho biết: “Các biện pháp bảo hộ chống lại hàng xuất khẩu Trung Quốc không chỉ làm tăng chi phí sản xuất mà còn cản trở sản phẩm của chúng tôi xâm nhập vào các thị trường nước ngoài”. Trong khi đó, Hoa Kỳ lại đối xử công bằng với các sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam. Hồng Kông tiếp tục là nhà đầu tư lớn tại Việt Nam, chủ yếu là các công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc. Việc di chuyển tới Việt Nam giúp các công ty Hồng Kông cắt giảm được 10 – 30% chi phí (Theo ông Paul So Wing, Chủ tịch Hội đồng Các nhà công nghiệp trẻ Hồng Kông) (Báo mới, 2010).

- Những hứa hẹn từ môi trường liên kết kinh tế mới. Một trong những mô hình liên kết kinh tế khu

vực đang được quan tâm lúc này là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương – TPP. Các chính phủ tham gia đàm phán TPP đang nỗ lực với quyết tâm rất cao để sớm ký kết hiệp định này. Cùng quan điểm với hầu hết các chuyên gia kinh tế và các nhà đàm phán Việt Nam, tác giả cho rằng tham gia TPP không những mở ra những triển vọng cho việc nâng cao sức cạnh tranh của những hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam – điều sẽ thúc đẩy các nhà đầu tư chuyển cơ sở sản xuất sang Việt Nam, mà còn giúp cải thiện tích cực môi trường chính sách và môi trường kinh doanh. Điều này sẽ làm giảm đi những lo ngại của các nhà đầu tư nước ngoài về xếp hạng yếu kém của môi trường kinh doanh quốc tế tại Việt Nam thời gian qua.

Từ những nhận định về thực trạng, thuận lợi và khó khăn về bối cảnh trong nước, quốc tế đến dòng FDI vào Việt Nam, tác giả đưa ra một số ý kiến về tăng cường thu hút FDI trong giai đoạn từ nay đến 2020 ở mục 3 tiếp theo đây.

#### **4. Một số vấn đề về quan điểm và giải pháp thu hút FDI vào Việt Nam tới năm 2020**

Qua số liệu đầu tư nước ngoài trên thế giới, có thể thấy 70-75% dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài di chuyển trong nội bộ các nước phát triển, chỉ có 25-30% di chuyển đến các nước đang phát triển và kém phát triển (Phuong Ngọc Thạch, 2013). Điều đó cho thấy các nước chủ đầu tư không phải chỉ dựa vào khai thác lợi thế của các nước nhận đầu tư là có nguồn tài nguyên dồi dào và lao động rẻ. Tài nguyên dồi dào và lao động rẻ không phải là nhân tố quan trọng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các nhà đầu tư trên thực tế rất quan tâm đến hiệu quả tổng hợp của các dự án đầu tư, trong đó các nhân tố quan trọng là môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh; sự minh bạch trong điều hành và thực thi chính sách kinh tế; trình độ và tay nghề của lực lượng lao động... Vì vậy, để tăng cường thu hút FDI trong bối cảnh mới ngày nay, Việt Nam cần lưu ý một số vấn đề sau:

##### **4.1. Thu hút FDI không chỉ để giải quyết nhu cầu trước mắt**

Cần tính đến nâng cao năng lực công nghệ và cạnh tranh quốc gia, đảm bảo cho giai đoạn phát triển tiếp theo được liên tục theo hướng cất cánh nền kinh tế. Chúng ta chú trọng phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động nhưng điều đó không có nghĩa là không chú trọng thu hút FDI vào phát triển các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, công nghiệp nặng

để đảm bảo sản xuất hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Bài học quan trọng nhất của các nước NIC (Phuong Ngọc Thạch, 2013) trong những năm qua là phải xây dựng được một cơ cấu sản phẩm hợp lý, một cơ cấu sản phẩm phải tự sản xuất các tư liệu sản xuất cung cấp cho toàn bộ nền kinh tế, tập trung thu hút FDI vào các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật, vốn cao do các sản phẩm công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động mất khả năng cạnh tranh quốc tế khi sức lao động, đặc biệt là lao động rẻ không còn là lợi thế nữa.

##### **4.2. Thu hút FDI cần đặt trong bối cảnh liên kết mạng sản xuất quốc gia, khu vực và toàn cầu**

Việt Nam nên quan tâm các chính sách ưu tiên phát triển ngành trong từng tỉnh và khu công nghiệp. Trước hết cần coi trọng và nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài dựa trên lợi thế của từng tỉnh và khu công nghiệp. Đối với một số vùng cần nêu bật định hướng thu hút FDI vào một số ngành, các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học và vốn cao, các ngành hỗ trợ và liên quan. Các cơ quan trung ương cần chủ động và cương quyết trong việc hoạch định và thực thi một quy hoạch tổng thể về các lĩnh vực cho từng địa phương và phối hợp trong việc hình thành mạng lưới sản xuất hiệu quả trên phạm vi toàn quốc cũng như phải tính đến sự kết nối với mạng lưới sản xuất toàn cầu và khu vực.

Để giải được bài toán này, trước hết Việt Nam cần đánh giá lại một cách tổng thể các lợi thế quốc gia và những nhân tố, cơ hội phát triển cho từng ngành, từng lĩnh vực để từ đó có một chính sách thu hút FDI phù hợp. Việc Nhà nước có chính sách tốt trong thu hút FDI phù hợp với điều kiện thực tế là chưa đủ để Việt Nam đạt được các bậc thang giá trị cao hơn trong mạng sản xuất toàn cầu. Chính các doanh nghiệp trong nước mới nắm chìa khóa vàng cho Việt Nam tham gia mạng sản xuất toàn cầu. Vì vậy, Chính phủ cần thực tâm, quyết liệt giúp đỡ các doanh nghiệp trong nước trong việc trở thành các đối tác trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

Công nghiệp ô tô Việt Nam là một ví dụ khá điển hình trong trường hợp này. Những nỗ lực thu hút FDI vào ngành này đã không giúp Việt Nam có được một nền công nghiệp ô tô đúng nghĩa. Mặt khác, Việt Nam đã bỏ phí thời gian để nâng đỡ các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ để

họ có thể trở thành những mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu ngành công nghiệp ô tô. Giờ đây, khi Việt Nam đã hội nhập gần như đầy đủ vào các thỏa thuận thương mại tự do của AFTA chúng ta mới thấy một nguy cơ rõ ràng: Việt Nam không những không có một ngành công nghiệp ô tô mạnh, đồng thời các doanh nghiệp Việt Nam cũng hầu như không có chỗ đứng trong chuỗi giá trị ngành này. Tương lai sẽ còn khó khăn hơn, bởi với AFTA, các tập đoàn đa quốc gia sẽ cơ cấu lại mạng sản xuất của họ trên toàn ASEAN, khi Việt Nam tụt hậu, các cầu phần có giá trị gia tăng cao sẽ chuyển sang các nước phát triển hơn trong ASEAN. Để có thể khắc phục những điểm yếu về nền tảng sản xuất công nghiệp trong nước, hướng đến một chiến lược tham gia mạng sản xuất toàn cầu có lợi cho Việt Nam, trong chính sách thu hút FDI, Việt Nam cần có sự chặt chẽ, lựa chọn và một chính sách hỗ trợ thông minh không chỉ cho các tập đoàn đa quốc gia, mà còn phải dành để nâng đỡ những đối tác bản địa của họ - các doanh nghiệp phụ trợ Việt Nam của họ.

#### **4.3. Cần quan tâm đặc biệt đến đầu tư và hiệu quả đầu tư vào hạ tầng cơ sở nền kinh tế**

Để đầu tư nâng cấp hạ tầng nền kinh tế, nhìn chung Việt Nam không thiếu vốn. Ngoài các nguồn vốn trong nước tự huy động được, các đối tác ODA cũng cam kết cho Việt Nam hàng tỷ đô la để đầu tư vào lĩnh vực này. Trên thực tế, Chính phủ cũng rất quan tâm và phân bổ nguồn vốn lớn cho đầu tư hạ tầng nền kinh tế. Song, hạ tầng kinh tế Việt Nam sau gần 30 năm đổi mới vẫn rất tồi tàn. Nguyên nhân của vấn đề này đã được mổ sẻ nhiều trên các diễn đàn và hội nghị. Vấn đề quan tâm đặc biệt ở đây cần được hiểu là:

- *Kiểm soát chặt đầu tư công, tránh lãng phí:* Muốn vậy, cần mạnh tay với các nhà thầu chậm tiến độ; xử lý nghiêm chủ đầu tư và nhà thầu khi chất lượng các công trình không đảm bảo. Những sai phạm này trên thực tế không khó để phát hiện. Người dân, doanh nghiệp bằng việc đánh giá kết quả công việc của chủ đầu tư và nhà thầu thông qua sử dụng công trình cũng có thể đưa ra được kết luận, vấn đề là các cơ quan quản lý nhà nước có xử lý được nhau hay không mà thôi. Việc này, chúng ta cần sự quyết tâm vào cuộc của Chính phủ. Vừa qua, Bộ Giao thông Vận tải đã làm được khá tốt vấn đề này nhưng bấy nhiêu đó vẫn là quá ít với thực trạng hiện nay của nền kinh tế Việt Nam.

- *Nâng cấp, đầu tư mới hạ tầng kinh tế cần có sự*

đồng bộ và cái nhìn dài hạn về quy hoạch tổng thể và liên ngành, tránh việc phải đầu tư lại và nâng cấp nhiều lần, rất lãng phí và hiệu quả sử dụng không cao, gây cản trở cho các hoạt động của nền kinh tế và dân sinh.

- *Siết chặt kỷ luật đầu tư và phân bổ vốn đầu tư:* Cần đảm bảo rằng những công trình đầu tư là cấp bách nhất; đã động thổ là phải về đích sớm nhất với chất lượng cao nhất. Việc nêu ra vấn đề này tuy không mới, song nó cần luôn được nhấn mạnh nhất là trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Để vấn đề được khả thi, đã đến lúc cần có những ràng buộc trách nhiệm cá nhân rõ ràng và mạnh mẽ để đảm bảo ai “sợ” thì không làm để dồn vốn cho những người, những công trình dám cam kết về chất lượng, tiến độ như cách Bộ Giao thông Vận tải đã từng làm với một vài công trình trọng điểm.

#### **4.4. Cần đặc biệt quan tâm kiểm chế chi phí đất đai và mặt bằng kinh doanh**

Chúng ta cần có quan điểm rõ ràng là bất động sản, đất đai không chỉ là tài sản, mà quan trọng hơn nó là tư liệu sản xuất. Nếu nhìn bất động sản, đất đai là tài sản thì việc tăng giá như thời gian vừa qua là có lợi. Tuy nhiên, nếu nhìn nó là tư liệu sản xuất, việc tăng giá bất động sản, đất đai sẽ đẩy chi phí đầu vào cho các hoạt động kinh doanh, làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam, như vậy sẽ không chỉ gây khó khăn chung cho các hoạt động kinh tế mà còn làm giảm sức hút đối với các dự án FDI vào Việt Nam. Để giải pháp này có thể đi vào thực tế, chúng ta cần có chính sách phù hợp nhưng cũng cần lành mạnh hóa việc thực thi chính sách trong lĩnh vực này. Việc giao đất cần lưu ý hai nội dung sau:

- Các tập đoàn lớn, các dự án lớn nên được xem xét là “đối tác chiến lược” của Việt Nam, cần được xem xét cấp đất trực tiếp (ví dụ trường hợp của Samsung).

- Các dự án đầu tư nhỏ phải vào các khu công nghiệp tập trung. Trong trường hợp này, Chính phủ cần có quy định rõ ràng về chênh lệch giữa giá đất đền bù, thu hồi và giá đất cho thuê, tránh tình trạng hiện nay, chênh lệch lớn giữa giá đền bù và giá cho thuê, vừa làm cho người dân thấy thiệt thòi vừa làm cho doanh nghiệp thuê đất bị đội chi phí. □



## Tài liệu tham khảo

Báo mới (2010), *Cơ hội thu hút đầu tư vào Việt Nam*, Truy cập ngày 29/04 2014], từ liên kết:

<http://www.baomoi.com/Co-hoi-thu-hut-dau-tu-vao-Viet-Nam/45/4459373.epi>

BBC (2012), *Tại sao giới đầu tư chán Việt Nam?*, Truy cập ngày 29/4 2014 (cache)], từ liên kết:

[http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2012/08/120802\\_vn\\_less\\_investment.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2012/08/120802_vn_less_investment.shtml)

Hàn Phi (2013), *97 tỷ USD vốn FDI cho Việt Nam sau 25 năm*, Truy cập ngày 29/4 2014], từ liên kết:

<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/97-ty-usd-von-fdi-cho-viet-nam-sau-25-nam-2727188.html>

IFC&WB (2013), *Economy Rankings*, Doing Business 2013.

Phuong Ngọc Thạch (2013), *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt nam: Tồn tại và kiến nghị*, từ liên kết:

<http://www.vysajp.org/news/tin-ngoai/kinh-te-xa-hoi/thu-hut-d%E1%BA%A7u-t%C6%B0-tr%E1%BB%B1c-ti%E1%BA%BFp-n%C6%B0%E1%BB%9Bc-ngoai-%E1%BB%9F-vi%E1%BB%87t-nam%E1%BB%93n-t%E1%BA%A1i-va-ki%E1%BA%BFn-ngh%E1%BB%8B/>

Thời báo Ngân hàng (2013), *Nhật Bản chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang ASEAN*, Truy cập ngày 29/4 2014], từ liên kết:

<http://www.thoibaonganhang.vn/tin-tuc/7-nhat-ban-chuyen-dau-tu-tu-trung-quoc-sang-asean-12147.html>

-

## Attracting foreign direct investment into Vietnam in the new context

### *Abstract*

*This study analyses Vietnamese economy, focusing on two different development phases: (i) phase one, focusing on the number of FDI projects (1987-2010) and (ii) phase two, focusing more on FDI project quality (2010 – 2020). The author evaluates the advantages and challenges that Vietnam has to face in the new context. Based on this, some suggestions are provided to Vietnamese government to attract new FDI projects for the coming years.*

---

### Thông tin tác giả:

**\*Đàm Quang Vinh**, Tiến sĩ kinh tế

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học quốc tế

- Một số tạp chí tiêu biểu đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; tạp chí Kinh tế và dự báo; Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới.

- Thông tin liên lạc: Địa chỉ email: [damquangvinhneu@gmail.com](mailto:damquangvinhneu@gmail.com)